

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2020

Về việc: “Chị N xin ly hôn
anh L”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Anh

2. Ông Đỗ Quang Huy

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền; Thư ký Tòa
án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên

tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/5/2020 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXX-LH ngày 18 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn T, xã P, huyện X, TP Hà Nội

Nơi ở: Xóm A, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

Và bị đơn: Anh Phạm Thế L, sinh năm 1983

HKTT: Thôn T, xã P, huyện X, TP Hà Nội (Hiện đang thụ hình tại trại giam A, tỉnh Hà Nam)

Chị N có mặt. Anh L vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Thế L, tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào ngày 10/11/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Th, tỉnh Hòa Bình. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh L và gia đình anh tại xã P, huyện X. Quan hệ vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L ngược đãi đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đến năm 2018 thì chị bỏ về tá túc tại nhà bố mẹ đẻ và ly thân anh từ đó đến nay. Xác

định tình cảm không còn, hạnh phúc không có, hôn nhân không thể hàn gắn, chỉ đề nghị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 cháu là Phạm Khánh L1, sinh ngày 31/01/2010 và cháu Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 06/9/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Không có gì. Chị không yêu cầu Tòa xét.

Phía bị đơn, anh Phạm Thế L trình bày: Anh xác nhận, anh và chị N kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nhưng cũng không quá trầm trọng. Đến tháng 9/2019, thì anh chị chính thức ly thân do anh vi phạm pháp luật và hiện đang phải chấp hành án tại trại giam A. Nay chị N xin ly hôn, anh cũng nhận thấy đúng là tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, hạnh phúc không có, đề nghị Tòa cho ly hôn.

Về con chung: Anh L xác nhận, anh chị có 02 cháu là Phạm Khánh L1, sinh ngày 31/01/2010 và cháu Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 06/9/2014. Anh đề nghị giao mỗi người nuôi 01 cháu.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa xét

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị N giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N, giao các con chung cho chị Nụ chăm sóc nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L. Không xét quan hệ tài sản, công nợ chung vợ chồng. Chị N phải chịu án phí ly hôn, theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Phạm Thế L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Về Nội dung:

Về hôn nhân:

Chị Bùi Thị N và anh Phạm Thế L đã có một cuộc hôn nhân tự nguyện và hợp pháp bằng việc đăng ký kết hôn ngày 02/4/2009 tại UBND xã L, huyện Y,

tỉnh Hòa Bình. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính, bất đồng quan điểm, lại thêm việc anh L bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt tù 12 năm về tội hiếp dâm trẻ em và hiện đang thụ hình tại phân trại B, Trại giam A, tỉnh Hà Nam thì khoảng cách hôn nhân ngày càng lớn. Bản thân chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Hòa Bình sinh sống từ tháng 9/2019 đến nay và chấm dứt mọi sự liên hệ về tình cảm với anh. Nay chị N xin ly hôn, anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có và đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được, các bên đều đồng ý ly hôn, cần áp dụng các qui định của điều 52, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh L.

Về con chung: Các bên thống nhất, vợ chồng có 02 cháu là Phạm Khánh L1, sinh ngày 31/01/2020 và cháu Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 06/9/2014, hiện cháu L1 đang ở với ông bà nội, cháu Thủy T chị N đang chăm sóc. Xét đề nghị của chị N đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, trong khi phía anh L, cháu L1 có nguyện vọng để cháu được ở với ông bà nội, song cũng nhất trí để chị N chăm sóc nuôi dưỡng theo đề nghị của chị. HĐXX nhận thấy, hiện tại, anh L đang phải thụ hình tại trại giam trong một thời gian dài, nên về mặt pháp luật, chị N là người có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bản thân cháu L1 và ông Phạm Văn B là bố đẻ anh L và là ông nội cháu L1 cũng nhất trí về, nếu Tòa án giao các con cho chị N nuôi dưỡng thì họ cũng không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án giao cả 02 cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, sau này, nếu anh L chấp hành xong hình phạt và có nguyện vọng được nuôi con, lúc đó, anh L có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét trong một việc kiện khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu, anh L xin được tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

Về tài sản chung: Các bên thống nhất tài sản chung không có gì, không đề nghị Tòa xét. Tòa không xét.

Riêng về công nợ, anh L có khai nhờ anh Phạm Văn Nh là anh ruột vay giúp Ngân hàng chính sách huyện X đứng tên anh Nh vay giúp 40.000.000 đồng nhưng anh xác định anh sẽ tự trả, không đề nghị Tòa xét. Bản thân anh Nh cũng không có yêu cầu đề nghị gì, nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N

- **Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phạm Thế L.

- **Về con chung:** Giao các cháu Phạm Khánh L1, sinh ngày 31/01/2010 và cháu Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Phạm Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cấp dưỡng nuôi con cho anh L đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

- **Về tài sản, công nợ chung vợ chồng:** Các bên không đề nghị, nên không xét

- **Về án phí:** Chị Bùi Thị N phải nộp **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0005721 ngày 18/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- UBND xã L
- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Quang